

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm

Ông Trương Văn Te

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2022/TLST-HĐGD ngày 27/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐST-HĐGD ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Ân nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà V và ông T kết hôn vào năm 1999, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh B, hôn nhân do tự nguyện. Thời gian đầu, ông bà sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân. Ân nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Bà V xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung là Lê Ân nguyên Đ, sinh ngày 20/4/2002. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: bà không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông T được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không gọi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 16 tháng 8 năm 2022, ông T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ả nguyên đơn bà V có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V và ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà V và ông T có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Quới, huyện G, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy bà V và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Quá trình chung sống ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà V trình bày, ông bà đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho ông T và bà V hàn gắn, nhưng ông T đều vắng mặt nên không thể hoà giải đoàn tụ cho ông bà. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/8/2022, bà V vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Qua đó cho thấy, ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà V cho bà V được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà V có 01 con chung là Lê ả nguyên Đ, sinh ngày 20/4/2002, đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Bà V không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà V khai không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà V phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 ả ghi quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm V. Bà Lê Thị Cẩm V được ly hôn với anh Lê Văn T.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị Cẩm V có 01 con chung là Lê ả guyên Đ, sinh ngày 20/4/2002, đã thành niên, tự lao động sinh sống được.

[3] Về tài sản chung: bà Lê Thị Cẩm V không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Cẩm V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00008188 ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B. Bà Lê Thị Cẩm V đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Bà Lê Thị Cẩm V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSở D huyện G;
- TAA D tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- UBAA D xã L, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG G XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền